

Số: /QĐ-SXD

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục mạng lưới tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh và Công suất bến xe khách trên địa bàn tỉnh

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Bình Định quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục mạng lưới tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh và Công suất bến xe khách trên địa bàn tỉnh. Nội dung chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, giao phòng Quản lý vận tải theo dõi, cập nhật, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Danh mục mạng lưới tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh cho phù hợp tình hình thực tế; đề xuất công bố lại công suất bến xe trong trường hợp các bến xe thực hiện cải tạo, nâng cấp, thay đổi các hạng mục công trình trong bến và các yếu tố khác làm thay đổi công suất bến xe.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý vận tải, Chánh Thanh tra Sở và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Cục ĐBVN (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các đơn vị KDVT, bến xe khách;
- Website Sở;
- Lưu: VT, QLVT_(TNQHoa).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Trịnh

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC MẠNG LƯỚI TUYẾN VẬN TẢI KHÁCH CỐ ĐỊNH NỘI TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /4/2025 của Sở Xây dựng)

STT	Mã số tuyến	Tên tuyến	Bến đi	Bến đến	Hành trình chạy xe	Cự ly tuyến (Km)	Tổng số chuyến xe được khai thác (Chuyến/tháng)	Thời gian dẫn cách tối thiểu giữa các chuyến xe liên kế (phút)
1	7777.1112.A	Quy Nhơn – Bồng Sơn	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn	Bến xe Bồng Sơn	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn - QL1D - QL1 - Bến xe Bồng Sơn và ngược lại	90	1.930	5
2	7777.1113.A	Quy Nhơn – Phù Mỹ	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn	Bến xe khách Bình Dương Phù Mỹ	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn - QL1D - QL1 - Bến xe khách Bình Dương Phù Mỹ	70	774	15
3	7777.1118.A	Quy Nhơn – Hoài Ân	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn	Bến xe khách Hoài Ân	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn - QL1D - QL1 - ĐT629 - xã Ân Mỹ - Cầu Mỹ Thành - xã Ân Tín - xã Ân Thạnh - Bến xe khách Hoài Ân và ngược lại	95	150	60
	7777.1118.B	Quy Nhơn – Hoài Ân	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn	Bến xe khách Hoài Ân	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn - QL1D - QL1 - ĐT631 - ĐT630 - Bến xe khách Hoài Ân và ngược lại	95	590	60
4	7777.1119.A	Quy Nhơn – Vĩnh Thạnh	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn	Bến xe khách trung tâm huyện Vĩnh Thạnh	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn - Quốc lộ 1D - Quốc lộ 1 - Quốc lộ 19 - ĐT 637 - Bến xe khách Trung tâm Huyện Vĩnh Thạnh và ngược lại	77	830	15
5	7777.1120.A	Quy Nhơn – An Lão	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn	Bến xe trung tâm huyện An Lão	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn - QL1D - QL1 - ĐT629 - Bến xe trung tâm huyện An Lão và ngược lại	120	573	60

PHỤ LỤC 2
CÔNG SUẤT BẾN XE KHÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /4/2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tên bến xe	Loại bến	Công suất bến xe (chuyển)		Ghi chú
			Trong 01 giờ	Trong ngày	
1	Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn	1	127	2.040	
2	Bến xe khách An Nhơn	3	60	840	
3	Bến xe khách Phú Phong	3	30	420	
4	Bến xe khách Bồng Sơn	4	34	544	
5	Bến xe khách Bình Dương Phù Mỹ	4	40	440	
6	Bến xe khách Phù Cát	4	26	468	
7	Bến xe khách huyện Hoài Ân	4	26	426	
8	Bến xe khách trung tâm huyện An Lão	5	26	312	
9	Bến xe khách trung tâm huyện Vĩnh Thạnh	5	26	338	